

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 162/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: 52, ấp P, phường P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là xã P, thành phố B).

Người đại diện theo ủy quyền của chị T về phần tài sản:

- Chị Trần Thị Ngọc Như Ý, sinh năm 1992;

- Chị Nguyễn Thanh T1, sinh năm 2004;

Cùng địa chỉ liên hệ: 33C, ấp M, phường A, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre).

2. Bị đơn: Anh Trần Minh T2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số C, ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre).

Người đại diện theo ủy quyền của anh T2 về phần tài sản: Anh Huỳnh Cảnh T3, sinh năm 1992; địa chỉ: Số B, khu phố F, xã M, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Minh T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị T và anh T2 cùng thống nhất xác định anh chị không có con chung nên ghi nhận.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Minh T2 thống nhất tài sản chung vợ chồng gồm có 05 chỉ vàng 18K do chị T đang quản lý và phân chia như sau:

+ Chị T được nhận 1,5 chỉ vàng 18K;

+ Anh T4 được nhận 3,5 chỉ vàng 18K nhưng anh T4 và chị T thống nhất xác định giá trị của 3,5 chỉ vàng tương đương số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Chị T có trách nhiệm trả cho anh T4 số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: Chị T và anh T4 cùng thống nhất xác định anh chị không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được giảm phân nửa mỗi bên phải chịu là 75.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm được giảm phân nửa chị T phải chịu là 225.000 đồng; anh T4 phải chịu là 500.000 đồng. Tổng cộng:

+ Chị T phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng **mà chị T đã** nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010550 ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. **Chị T đã nộp đủ án phí.**

+ Anh T4 phải chịu án phí là 575.000 (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.625.000 (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng **mà anh T4 đã** nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010608 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. **Anh T4 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.050.000 (Một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.**

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án

dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Vĩnh Long;
- UBND [phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long](#);
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Huyền